

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM VIVOTEK ST3402

1. Cài đặt phần mềm:

- Chạy tập tin setup.exe trong thư mục: CDROM\ST3402\Software\ setup.exe
- Chú ý trong quá trình cài đặt cần đặt password để chạy chương trình:
- Phần mềm chỉ cho phép tối đa 16 camera.

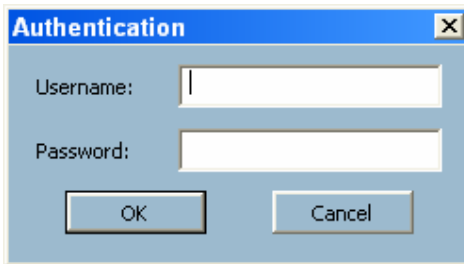
2. Sử dụng chương trình:

- Chạy chương trình bằng cách click vào **Monitor for Vivotek ST3402** trên desktop
- Hoặc vào **Programs\ Vivotek inc\ Vivotek ST3402\ Monitor**

Sau đó nhập username và password để chứng thực người sử dụng:

Username: mặc định là **root**

Password: **ta đặt trong quá trình cài đặt**

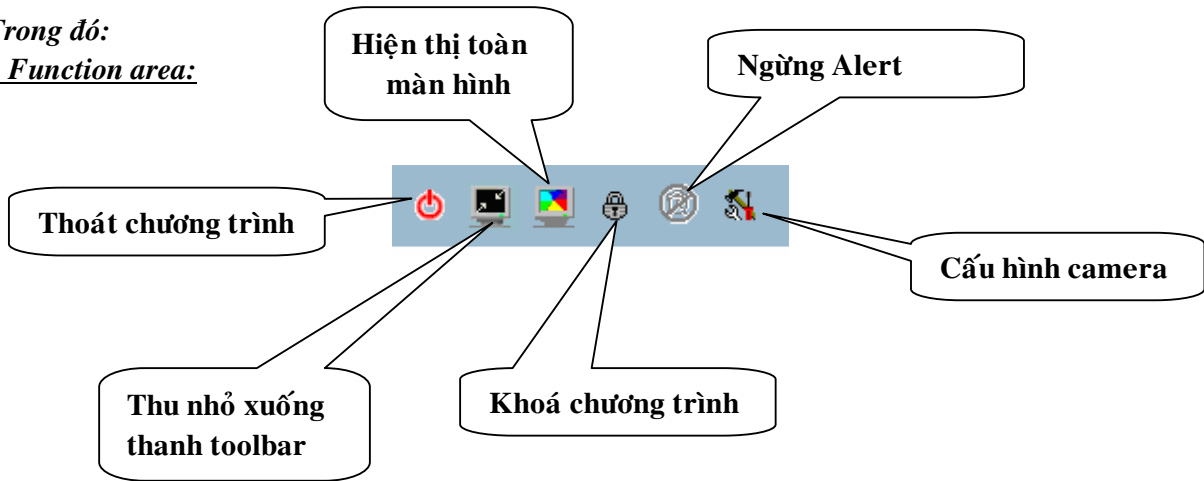


Giao diện chính của chương trình:



Trong đó:

* **Function area:**



* **Channel area:**

Chọn camera để hiện thị trạng thái của chính đó như: kết nối, ghi hình, cảnh báo, . . .

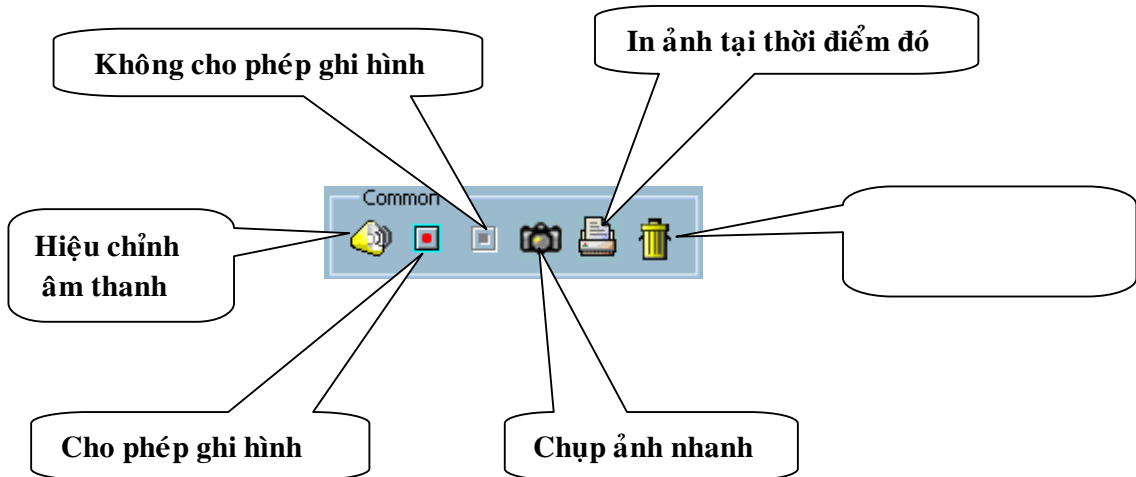
* **Layout area:**

Lựa chọn số lượng camera hiện thị trên vùng video area: 1,4,6,9,13,16

* **HDD status:**

Hiện thị trạng thái dung lượng của ổ đĩa cứng ghi hình của camera.

* **Common area:**



* **PTZ, DI/DO, . . . area:**

PTZ: điều khiển pan/tilt/zoom (camera phải hỗ trợ chế độ PTZ)

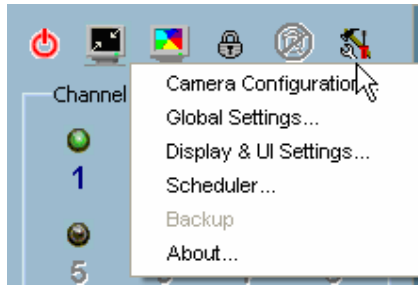
DI/DO: điều khiển nhập, gửi tín hiệu đến ngõ DI/DO của camera tương ứng.

Alert Msg: gửi thông điệp cảnh báo đến camera tương ứng

Talk: hỗ trợ tín hiệu đối thoại âm thanh 2 chiều thông qua camera.

3. Cài đặt camera:

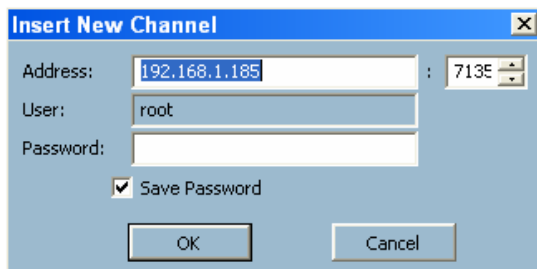
Click vào biểu tượng configurations:



* Chọn Camera Configuration:

- **Insert:** thêm vào một camera

Sau đó nhập vào IP camera hoặc tên miền của Camera (ở ngoài mạng), port, và password của camera đó.



- **Delete:** xoá camera được chọn khỏi chương trình

- **Alert Setting:**

+ **Enable motion detect:** check để cảnh báo dò tìm chuyển động bằng âm thanh (thiết lập ở phần Display & UI setting).

+ **Enable digital input:** check để cảnh báo khi có tín hiệu Ngõ vào.

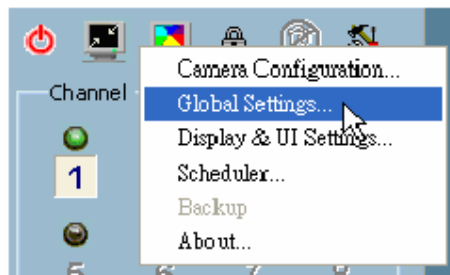
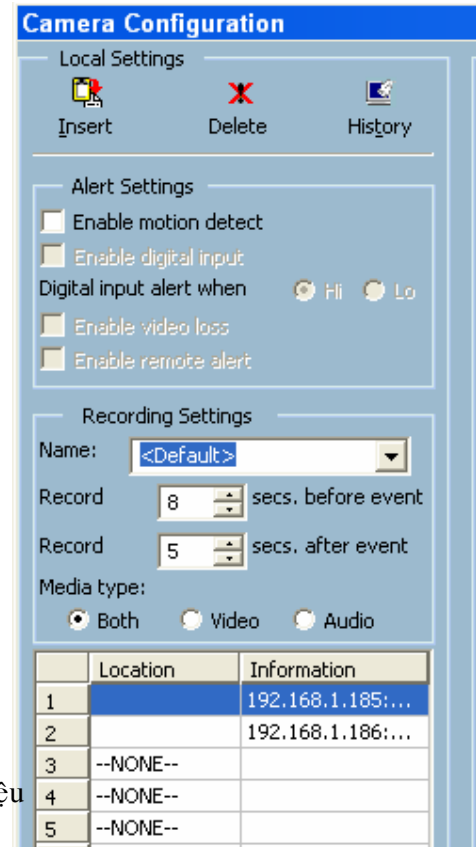
+ **Digital input alert when:** cảnh báo ngõ ra ở mức cao hay thấp

+ **Enable video loss:** cảnh báo khi mất tín hiệu video

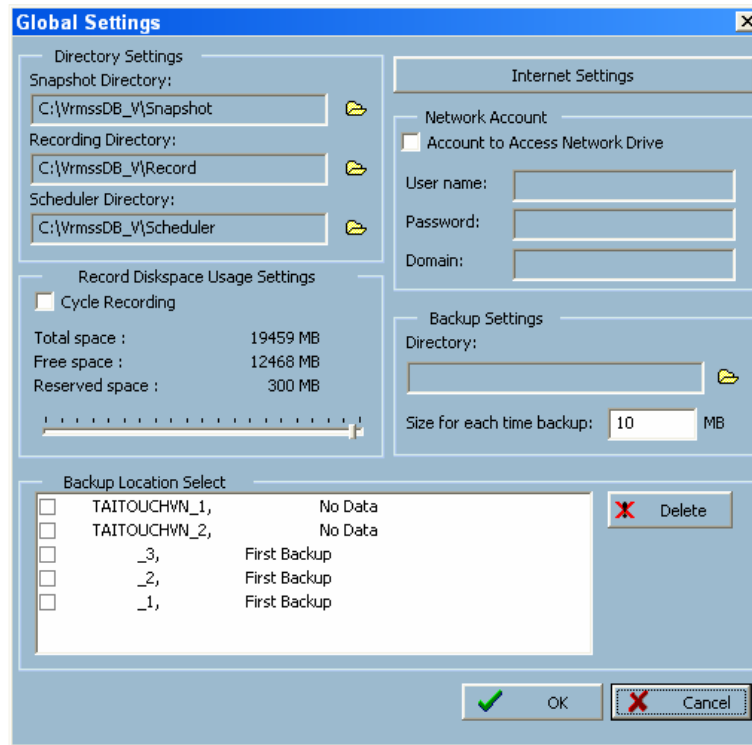
+ **Enable remote alert:** cho phép cảnh báo từ xa

Trong phần này thì đòi hỏi camera phải hỗ trợ.

* Chọn mục Global settings:



Giao diện chính:



Trong đó:

- Directory Settings:

Thiết lập đường dẫn lưu trữ data trên HDD (gồm Snapshot, Record và Scheduler).

- Record Diskspace Usage Settings:

Mục Cycle Recording: nên check để bật chức năng ghi đè lên data trước đó khi HDD tới dung lượng cho phép trước.

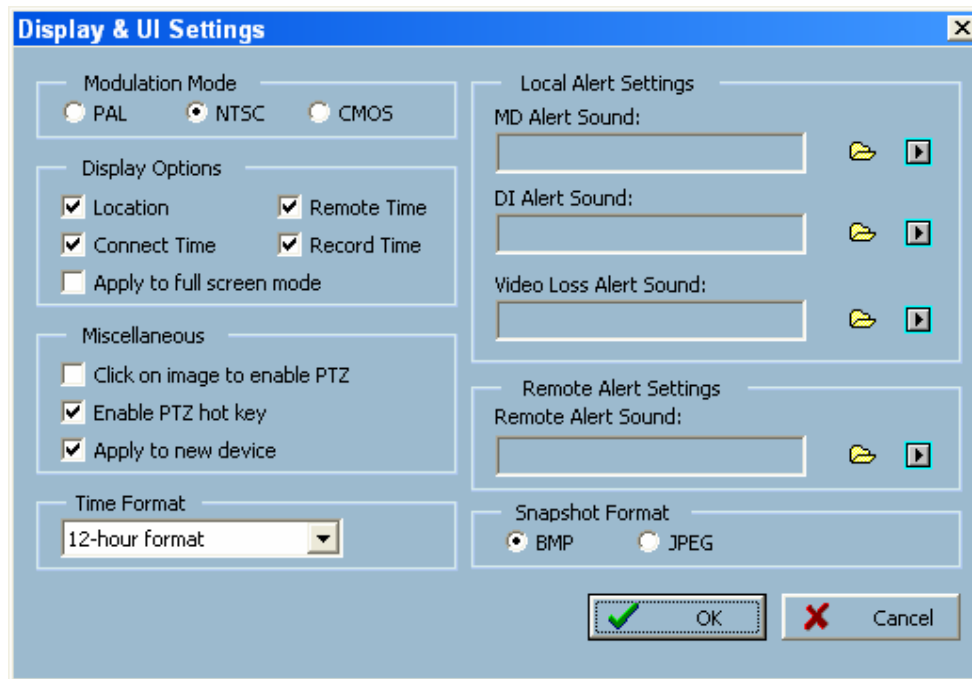
- Network account:

Trong trường hợp muốn lưu data lên ổ đĩa mạng thì mục này được check, sau đó nhập Username, password và domain vào tương ứng.

*** Mục Display & UI Settings:**

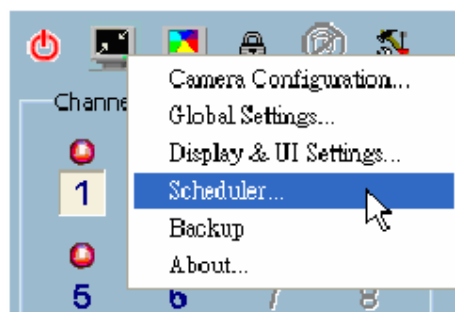


Giao diện chính:

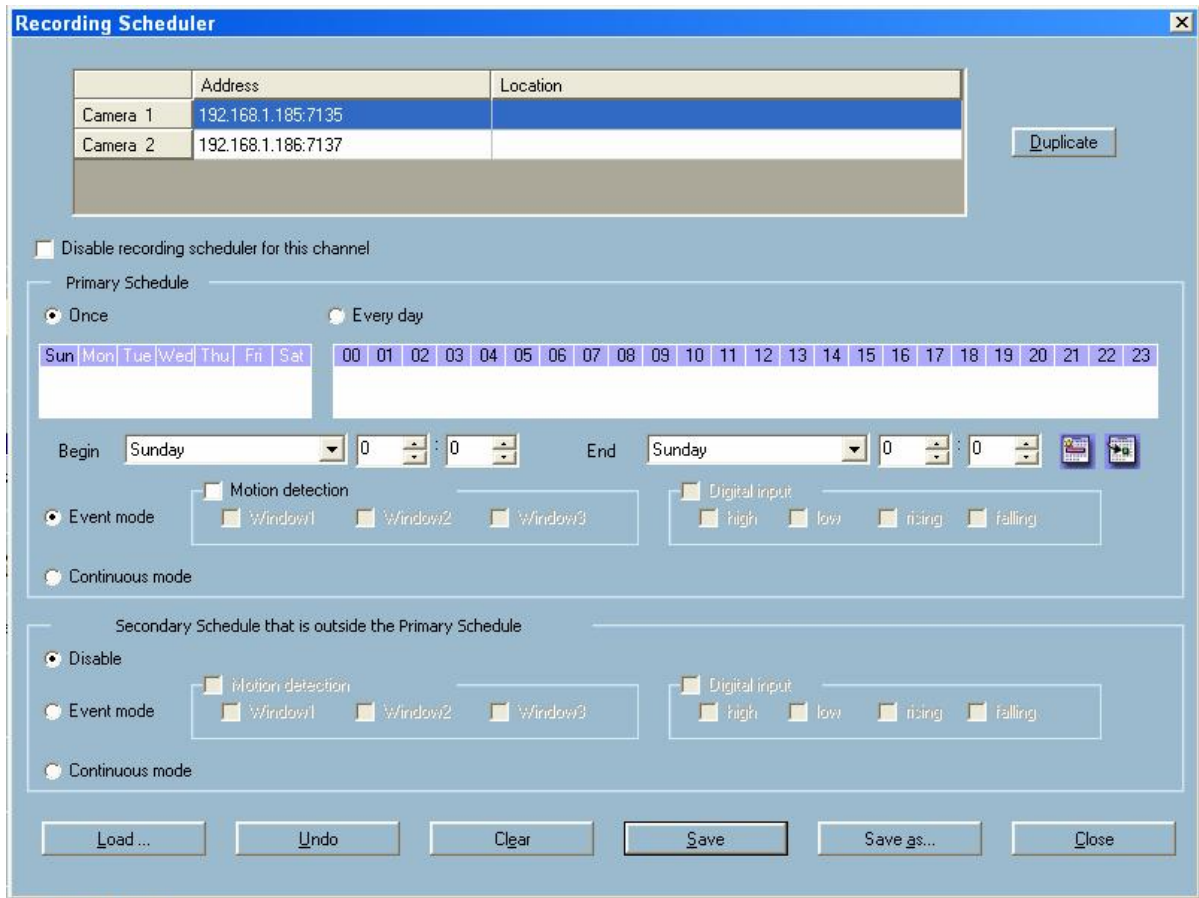


- **Local Alert Setting:** chỉ định âm thanh cảnh báo tương ứng.
- **Remote Alert sound:** thiết lập âm thanh cảnh báo từ xa
- **Snapshot Format:** thiết lập định file ảnh khi chụp nhanh.
- **Modulation Mode:** chọn mode tín hiệu video vào
- **Display Options:**
 - + Location: số thứ tự và tên video của camera
 - + Connect time: Thời lượng kết nối với camera
 - + Remote Time: thời gian thực tương ứng với camera
 - + Record Time: Thời lượng ghi hình của camera.
- **Miscellaneous:**
 - + Click on image to enable PTZ: check để có thể điều khiển PTZ bằng cách click trực tiếp vào khung hình.
 - + Enable PTZ hot key: cho điều khiển PTZ bằng phím tắt.
 - + Apply to new device: cho phép phần mềm khi kết nối lại sẽ tự hiểu được sự thay đổi từ camera này thành một camera khác mà có cùng địa chỉ.

*** Muc Scheduler:**



Giao diện chính :



Để chế độ ghi hình một cách liên tục ta chọn **everyday** và **continuous mode** rồi bấm save as để lưu lại cấu hình.

4. Chú ý:

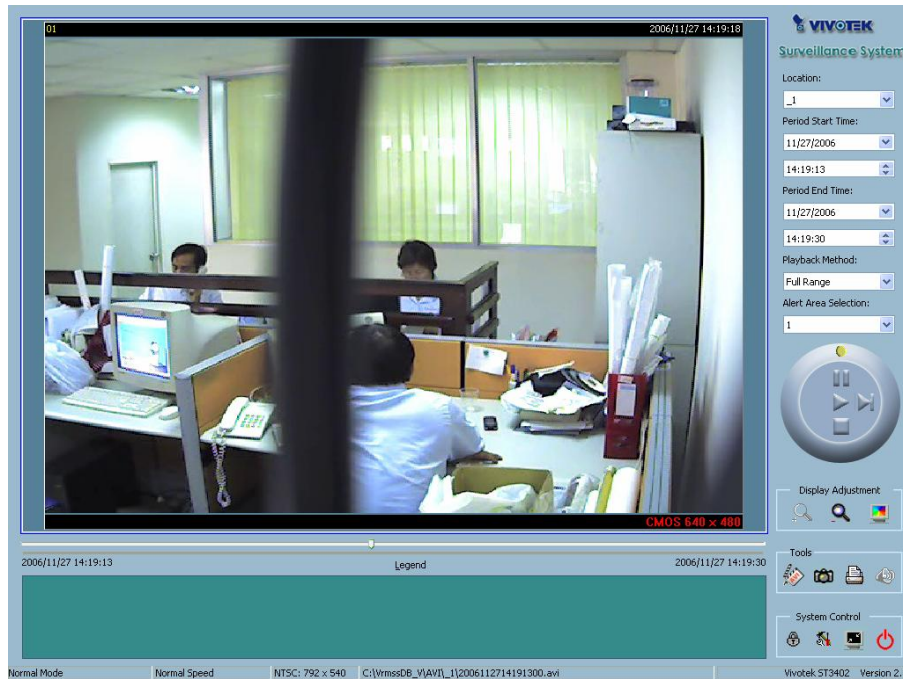
Khi chạy phần mềm thì ở góc phải thanh toolbars có biểu tượng Vivotek ST3402



Nhấp chuột phải vào biểu tượng để chọn những ứng dụng cần cài đặt, chẳng hạn như: tự động chạy chương trình, thay đổi password, add user, playback, ...

5. Playback.

Chọn playback, hoặc Chạy chương trình **Playback for Vivotek ST3402** khi đó sẽ xuất hiện giao diện như sau:



* **Chú ý:** phải thiết lập lại đường dẫn đúng với đường dẫn mà chúng ta ghi hình.



Location: chọn camera muốn xem lại.
Period Star Time: chọn thời gian bắt đầu cho việc xem lại (gồm ngày tháng và giờ)
Period End Time: chọn thời gian kết thúc cho việc xem lại (gồm ngày tháng và giờ)
 => khi chọn xong thì click **Play**

Bao gồm Play, Pause, stop, ...
Nút màu vàng : kéo cùng chiều kim đồng hồ thì xem nhanh với tốc độ 2x,4x,8x,16x còn chiều ngược lại thì xem chậm lại.

Cho phép phóng to hay thu nhỏ khung hình để xem lại

Cho phép xuất đoạn video ra định dạng AVI, chụp ảnh nhanh, và in ra hình ảnh tại thời điểm xem.

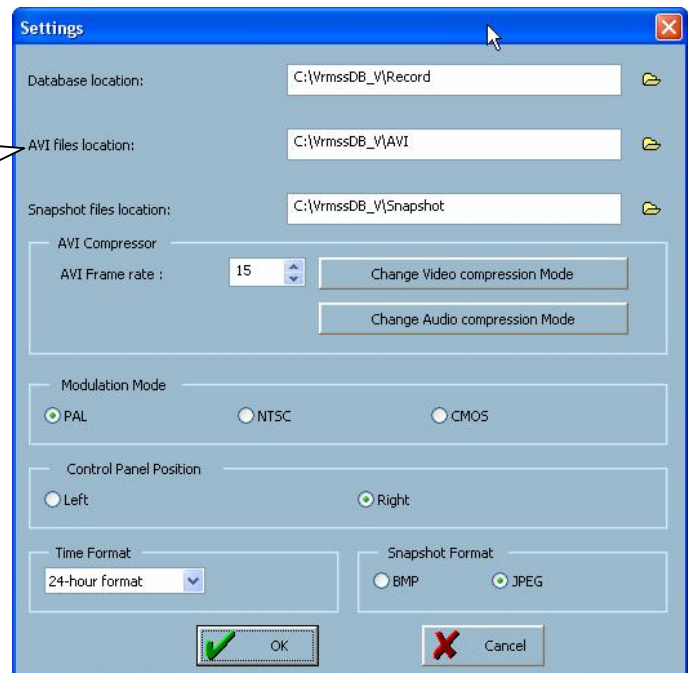
*** Mục System Control:**

Thiết lập về đường dẫn để xem lại. Đường dẫn này phải trùng với đường dẫn nơi ghi hình.

Database location: chọn nơi đã ghi hình.

AVI files location: chọn nơi lưu trữ file AVI đã chuyển đổi.

Snapshot files location: chọn nơi lưu trữ file chụp ảnh nhanh.



*** Chú ý:**

- Khi ghi hình thì thiết lập tất cả những thông số bên camera xong hết rồi mới thực hiện ghi hình, Để tránh xảy ra lỗi thì khi đang ghi hình chúng ta không nên thay đổi cũng như cấu hình những thông số kỹ thuật trong camera.

- Những data trong thư mục ghi hình không được xoá hay thay đổi tên, vì như vậy sẽ làm thay đổi cấu trúc data sẽ xảy ra lỗi khi xem lại.